TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/HNGĐ-ST
Ngày 07 - 4 - 2023
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Thái Thị Phi Yến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Viết Dũng

Bà Đặng Thị Liễu

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Phạm Thị Tuyết Mai, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Trong ngày 07 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 70/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2022 về việc *"ly hôn, tranh chấp con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trịnh Xuân S, sinh năm 1975; Địa chỉ: Gyeonggi, Bu, Wo, Y-24-35, Hàn Quốc; (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị Mai H, sinh năm 1979; Địa chỉ: 71 đường L, tổ 72, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 27/10/2022 và Đơn trình bày ngày 27/10/2022 và ngày 13/02/2022, nguyên đơn ông Trịnh Xuân S trình bày:

Ông và bà Trần Thị Mai H kết hôn với nhau vào năm 2005 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại Hàn Quốc. Trong quá trình chung sống, vợ chồng đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn nhưng không thể hòa giải được dẫn đến tình cảm vợ chồng đã có sự rạn nứt. Sau một năm chung sống, ông và bà H đã ly thân cho đến thời điểm bây

giờ. Ông nhận thấy không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông và bà H được ly hôn.

Trong quá trình chung sống ông và bà H có một con chung Trịnh Thảo A sinh ngày 16/6/2005, hiện đang sống với bà H. Ly hôn, ông yêu cầu Tòa án giải quyết giao con cho bà H nuôi dưỡng, ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con một lần cho bà H với số tiền 250.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Theo Bản tự khai ngày 09/01/2023 và tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Trần Thị Mai Hương trình bày:

Bà và ông Trịnh Xuân S kết hôn với nhau vào năm 2005 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại Hàn Quốc và có một con chung. Trong quá trình chung sống, vợ chồng đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn không thể hòa giải được, do đó bà dẫn con về Việt Nam vào năm 2006. Từ đó đã hơn 16 năm, bà và ông S không liên hệ và không chung sống với nhau, mỗi người đều có cuộc sống riêng nên bà chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông S.

Trong quá trình chung sống bà và ông S có một con chung Trịnh Thảo A sinh ngày 16/6/2005, hiện đang sống với bà. Ly hôn, bà yêu cầu Tòa án giải quyết giao con cho bà nuôi dưỡng, ông S tự nguyện cấp dưỡng nuôi con một lần cho bà với số tiền 250.000.000 đồng đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho nguyên đơn ông Trịnh Xuân S và bị đơn bà Trần Thị Mai H qua dịch vụ bưu chính. Đến ngày 28/02/2023, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã nhận được Đơn đề nghị rút ngắn thời gian giải quyết vụ án và xét xử vắng mặt đề ngày 13/02/2023 của ông S và theo đó ông S đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông. Do đó, căn cứ điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông S.

Về nội dung:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trịnh Xuân S và bà Trần Thị Mai H tự nguyện kết hôn vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành

phố Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận kết hôn số 61 ngày 12/7/2005, do đó quan hệ hôn nhân giữa ông S và bà H được pháp luật công nhận là hợp pháp.

[3] Sau khi kết hôn, ông S và bà H chung sống hạnh phúc tại Hàn Quốc được thời gian ngắn thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Năm 2006, bà H dẫn con về Việt Nam sinh sống. Kể từ thời gian đó cho đến nay, ông S và bà H không chung sống và không có trách nhiệm gì với nhau. HĐXX xét thấy, mâu thuẫn giữa ông S và bà H đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó việc ông S yêu cầu được ly hôn bà H là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Hơn nữa, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà H có ý kiến đề nghị Tòa án giải quyết cho bà và ông S được ly hôn. Vì vậy, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông S đối với bà H.

[4] Về con chung: Ông S và bà H xác định có một con chung Trịnh Thảo A sinh ngày 16/6/2005. Quá trình giải quyết vụ án, ông S và bà H có ý kiến thỏa thuận như sau: bà H nhận nuôi dưỡng con Trịnh Thảo A và ông S tự nguyện cấp dưỡng nuôi con một lần với số tiền 250.000.000 đồng. HĐXX xét thấy thỏa thuận về mức cấp dưỡng nuôi con của ông S và bà H là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX ghi nhận.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông S và bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông S phải chịu án phí về ly hôn là 300.000 đồng và án phí về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 127 của Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 273, điểm a khoản 5 Điều 477, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn, nuôi con chung của ông Trịnh Xuân S đối với bà Trần Thị Mai H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trịnh Xuân S được ly hôn bà Trần Thị Mai H.

2. Về quan hệ con chung: Giao con Trịnh Thảo A sinh ngày 16/6/2005 cho bà Trần Thị Mai H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự

nguyện của ông Trịnh Xuân S cấp dưỡng nuôi con một lần cho bà Trần Thị Mai H với số tiền 250.000.000 đồng (Hai bên đã giao nhận tiền cấp dưỡng xong vào ngày 05/4/2023).

Ông Trịnh Xuân S và bà Trần Thị Mai H được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trịnh Xuân S phải chịu án phí về ly hôn là 300.000 đồng và án phí về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0005133 ngày 29/11/2022 tại Cục Thi hành án Dân sự thành phố Đà Nẵng, ông S còn phải nộp tiếp số tiền án phí là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Ông Trịnh Xuân S vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật; bà Trần Thị Mai H có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND phường B, tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP Đà Nẵng;
- Cục THADS TP Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Thị Phi Yến